

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và lập hồ sơ cấm cọc giải phóng mặt bằng; giá các gói thầu tư vấn công trình Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 2776/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 3127/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình 3487/TTr-SGTVT ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cấm cọc giải phóng mặt bằng; giá các gói thầu tư vấn thuộc dự án Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng huyện Bá Thước (chương trình 30a); kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 3478/SGTVT-TĐKHKT ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Bá Thước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cấm cọc giải phóng mặt bằng; giá các gói thầu Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (chương trình 30a).

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Bá Thước.

4. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế: Tổng chiều dài tuyến 13,11km; điểm đầu Km0+00 giao tại Km0+751,5 của tuyến đường nông thôn mới xã Thiết Ống; điểm cuối: Km13+104,0 nối tiếp với đường nhựa tại Khu trung tâm xã Điền Thượng.

5. Quy mô xây dựng

- Phần đường đạt quy mô đường GTNT cấp A (theo TCVN 10380:2014), có: $V_{tk}=20\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=6,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; chiều rộng lề đất $B_l=2\times 1,25\text{m}$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=30\text{m}$ (châm trước $R_{min}=25\text{m}$); độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=11\%$; mặt đường đá dăm lán nhựa có $E_{yc}\geq 91\text{Mpa}$. Công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT; tải trọng thiết kế H13-X60; tần suất tính toán thủy văn $P=4\%$.

- Phần cầu: Xây dựng 04 cầu bằng BTCT và BTCT DU'L theo TCVN 11823-2017; chiều rộng cầu $B_c=(0,5+6+0,5)\text{m}=7\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93 và người đi bộ $3\times 103\text{Mpa}$; tần suất thiết kế $P=4\%$, suối có cây trôi, không thông thuyền.

6. Địa điểm xây dựng: các xã Thiết Ống, Điền Thượng, huyện Bá Thước.

7. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 15/7/2020.

8. Nhiệm vụ và khối lượng khảo sát

a) Khảo sát địa hình

- Sử dụng lại các mốc đường truyền hạng 4 và đường chuyên cấp 2 đã xây dựng trong bước lập dự án đầu tư; thủy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra lại số liệu các mốc đường truyền; khối lượng 13,1km; địa hình cấp III.

- Đối với bình đồ tuyến, nút giao, cầu: Tận dụng lại số liệu bình đồ bước lập dự án đầu tư xây dựng; chỉ tính công kiểm tra, cập nhật các thay đổi địa hình (02 công/01km cập nhật bình đồ tuyến tỷ lệ 1/2000 và 01 công cập nhật đối với/01 bình đồ nút giao, cầu).

- Trắc dọc tuyến: Đo vẽ lại toàn bộ trắc dọc tuyến tỷ lệ 1/2000 và 1/200.

- Trắc ngang tuyến: Tận dụng toàn bộ số liệu khảo sát bước lập dự án, bổ sung đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200, phạm vi đo từ tim ra mỗi bên trung bình 15m đảm bảo khoảng cách giữa hai mặt cắt ngang trung bình là 12,5m.

- Khảo sát nút giao (02 nút đầu tuyến): Đo vẽ lại trắc dọc các nhánh giao tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài mỗi nhánh 50m; tận dụng toàn bộ số liệu khảo sát đo vẽ trắc ngang bước lập dự án, bổ sung đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200 đảm bảo 05 mặt cắt ngang/01 nhánh giao, phạm vi từ tim ra mỗi bên trung bình 15m.

- Khảo sát đường ngang: Đo vẽ trắc dọc tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài đo vẽ mỗi đường ngang 30m; đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200, gồm 03 mặt cắt ngang/01 đường ngang, phạm vi từ tim ra mỗi bên trung bình 10m.

- Khảo sát công bản mô nhẹ KĐ=5,4m (03 công): Đo vẽ bình đồ công tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, phạm vi đo vẽ từ tim dọc công ra mỗi bên 50m và từ tim ngang công ra mỗi bên 30m; đo mặt cắt thượng, hạ lưu công tỷ lệ 1/200 trung bình 30m/01 mặt cắt; đo vẽ trắc dọc lòng suối tỷ lệ 1/2000 và 1/200, phạm vi đo vẽ từ tim dọc công ra mỗi bên 25m. Đo vẽ trắc dọc tuyến tránh đảm bảo giao thông, chiều dài tuyến tránh 50m; đo vẽ 05 trắc ngang tuyến tránh tỷ lệ 1/200, phạm vi đo vẽ từ tim tuyến tránh ra mỗi bên 7,5m.

- Đối với cầu (04 cầu): Đo vẽ trắc dọc lòng suối tỷ lệ 1/2000 và 1/200, phạm vi đo vẽ từ tim cầu ra mỗi bên 75m; đo vẽ mặt cắt thượng, hạ lưu cầu tỷ lệ 1/200 trung bình 30m/01 mặt cắt. Đo vẽ trắc dọc tuyến tránh đảm bảo thi công, chiều dài tuyến tránh 80m; đo vẽ 08 trắc ngang tuyến tránh, phạm vi đo vẽ từ tim tuyến tránh về mỗi phía 10m.

b) Khảo sát địa chất

- Đối với nền đường, công: Khoan 13 lỗ khoan, 05 lỗ tại đoạn hạ nền đường và 03 lỗ tại 03 vị trí thiết kế công bản mô nhẹ B=5,4m; chiều sâu 07m/01 lỗ khoan; mỗi lỗ khoan lấy 03 mẫu thí nghiệm, chiều sâu lấy mẫu 02m/01 mẫu; thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý 02 mẫu/01 lỗ khoan.

- Đối với 04 cầu: mỗi cầu khoan 02 lỗ tại 02 móng; chiều sâu lỗ khoan dự kiến 15m/01 lỗ khoan, điều kiện kết thúc lỗ khoan đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn 22 TCN 263:2000 và TCVN 11823-10:2017; khoan 02m lấy 01 mẫu để thí nghiệm và SPT; thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý 05 mẫu/01 lỗ khoan.

c) Khảo sát thủy văn: Cập nhật, điều tra bổ sung số liệu thủy văn tại vị trí xây dựng cầu, công.

d) Công tác khác: Điều tra, thu thập số liệu về mỏ vật liệu, bãi đổ thải, đường vận chuyển và các nội dung khác.

9. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công

Lập thiết kế bản vẽ thi công theo phạm vi, quy mô xây dựng dự án đảm bảo phù hợp với thiết kế cơ sở và danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án

đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 và quy định khác của pháp luật về đầu tư.

10. Lập hồ sơ và cắm cọc giải phóng mặt bằng (GPMB)

- Quy cách cọc: Gồm 02 loại, cọc bằng BTCT và cọc bằng tre; cụ thể:

+ Cọc bê tông: thân cọc bằng BTCT M200, kích thước (12x12x90)cm, sơn màu trắng, 8cm đầu cọc sơn đỏ, khắc chữ “Cọc GPMB” là loại chữ chìm, tô sơn đỏ; chữ tên cọc được viết bằng sơn màu đỏ; cọc được chôn sâu xuống đất 50cm và lấp trả lại bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Cọc tre: Thân cọc tre có đường kính $D = (6-10)$ cm, chiều dài $L = 70$ cm, 10 cm đầu cọc sơn đỏ; cọc được đóng sâu 35cm xuống đất.

- Phạm vi cắm cọc theo chiều dọc tuyến: Cọc bằng BTCT được cắm với khoảng cách cọc trung bình 100m/01cọc (đoạn ngoài khu dân cư) và 50m/01cọc (đối với đoạn trong khu dân cư); các vị trí cầu, cống bản làm mới, nối khẩu độ $B = (2,4-5,4)$ m cắm 04 cọc bê tông mỗi bên; cọc tre được cắm giữa 02 cọc BTCT.

- Phạm vi cắm cọc theo phương ngang tuyến: Cắm cọc hai bên tuyến hết phạm vi đất của đường bộ; cắm từ chân taluy nền đường đắp hoặc đỉnh taluy nền đường đào, mép ngoài cùng công trình của hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang ra mỗi bên là 1,0m; đối với cầu cắm theo mặt bằng bố trí công trường đảm bảo mặt bằng thi công cầu và hạn chế khối lượng giải phóng mặt bằng.

- Khối lượng: cọc bằng BTCT 416 cọc, cọc tre 336 cọc

11. Dự toán chi phí trình phê duyệt là: **1.731.410.000** đồng (*Một tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát bước lập BVTC : 784.575.000 đồng;
- Chi phí lập thiết kế, dự toán : 446.688.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát : 23.537.000 đồng;
- Chi phí giám sát công tác khảo sát : 31.948.000 đồng;
- Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB : 444.662.000 đồng.

(chi tiết kèm theo phụ lục)

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

13. Giá các gói thầu trình phê duyệt là:

- Gói thầu số 02 (Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cắm cọc GPMB): **1.675.925.000** đồng (*Một tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Gói thầu số 03 (Giám sát khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công): **31.948.000** đồng (*Ba mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Điều 2. UBND huyện Bá Thước tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 3478/SGTVT-TĐKHKT ngày 17/8/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và giá gói thầu số 02, số 03 tại Quyết định này thay thế giá gói thầu trong Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.^{30a121}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ BIỂU
DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG,
DỰ TOÁN VÀ CẤM CỌC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
Công trình: Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng,
huyện Bá Thước (Chương trình 30a)

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục chi phí	Thành tiền
I	Chi phí khảo sát xây dựng	784.575.000
1	Chi phí trực tiếp	433.601.000
1.1	Chi phí vật liệu	53.775.000
1.2	Chi phí nhân công	359.176.000
1.3	Chi phí máy thi công	20.650.000
2	Chi phí gián tiếp	286.111.000
2.1	Chi phí chung	251.423.000
2.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác	34.688.000
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	43.183.000
4	Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát	21.680.000
4.1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	8.672.000
4.2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	13.008.030
	Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	784.575.000
5	Thuế giá trị gia tăng	0
	Giá trị khảo sát sau thuế	784.575.000
II	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	23.537.000
III	Chi phí giám sát công tác khảo sát	31.948.000
IV	Chi phí lập hồ sơ và cấm cọc giải phóng mặt bằng	444.662.000
1	Chi phí lập hồ sơ thiết kế hạng mục cấm cọc GPMB	2.787.000
2	Chi phí xác định vị trí cấm cọc GPMB	198.681.000
3	Chi phí sản xuất và cấm cọc GPMB	243.194.000
V	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	446.688.000
TỔNG CỘNG CHI PHÍ		1.731.410.000